TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2026/DS-ST
Ngày: 20-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương;

2. Ông Trần Tấn Phát;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 777/2025/TLST-DS ngày 21/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-DS ngày 09/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Số C, khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trọng Q, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Bà Trần Kim L, sinh năm 1972 và ông Phạm Văn N, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ cư trú: Ô, khu phố T, phường L, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Trọng Q trình bày:

Bà T và vợ chồng bà L, ông N là chỗ xóm giềng, làm ăn quen biết, vợ chồng bà L, ông N tổ chức hụi và bà T có chơi hụi của vợ chồng bà L, ông N là thảo hụi. Vợ chồng bà L, ông N nợ tiền hụi của bà T 220.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu ba trăm ngàn đồng) đây là số tiền hụi bà L trả lại số tiền bà T đã đóng hụi cụ thể như sau: 1/ Hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) khui ngày 20/9/2023; 23 Phần. Trả tiền đã đóng

hụi 35.650.000 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). 2/ Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 01/03/2024; Trả lại tiền đã đóng 17 lần đóng hụi 26.350.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) 3/ Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 01/6/2024;

Trả lại tiền đã đóng 16 lần đóng hụi 24.800.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng) 4/ Hại 5.000.000 đồng khui ngày 15/10/2024; Trả lại tiền đã đóng 10 lần đóng hụi 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) 5/ Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2024; Trả lại tiền đã đóng 08 lần đóng hụi 30.400.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) đồng). Tổng tiền nợ hụi 220.300.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu ba trăm ngàn Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 03/12/2025 bà L có trả cho bà T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Vậy tổng nợ bà L còn thiếu bà T là 215.300.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng)

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2025, bà T yêu cầu ông N, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền gốc là 220.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Q trình bày nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu yêu cầu bà Trần Kim L trả lại cho bà T số tiền gốc là 215.300.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn N1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Kim L trình bày:

Bà L thừa nhận có vay của bà T số tiền 220.300.000 đồng vào tháng 10/2025, do làm ăn khó khăn nên chưa thể thanh toán cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả lại cho bà T số tiền là 220.300.000 đồng thì bà L đồng ý. Bà L xác nhận giấy nợ hụi trả vốn ngày 03 tháng 10 năm 2025 là đúng do bà L ký tên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với bà Trần Kim L.

+ Buộc bà Trân Kim L1 có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hụi là 215.300.000 đồng.

+ Ghi nhận bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi.

- Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định lại quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2025, bà T cho rằng bà L1, ông N1 vay tiền của bà và yêu cầu ông N1, bà L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L1 số tiền gốc là 220.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất nên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định khoản tiền nợ các bên đang tranh chấp xuất phát từ các dây hụi mà bà T tham gia do bà L1 làm chủ hụi. Do đó, Hội đồng xác định lại quan hệ "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T khởi kiện bà Trần Kim L, ông Phan Văn N1 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Bị đơn có địa chỉ tại phường L, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo cho Tòa án. Do đó, ông N1 phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Bản phô tô Sổ theo dõi hụi 2.000.000 đồng khui ngày 20/9/2023 (Bút lục số 26) và Giấy nợ hụi lập ngày 03/10/2025 (Bút lục số 27, 28) có ký tên và ghi họ tên Trần Kim L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà L đã thừa nhận còn nợ bà T số tiền 220.300.000 đồng, chữ ký tại giấy nợ hụi là do bà ký, bà L đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà T thừa nhận bà L đã trả được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 215.300.000 đồng. Xét thấy, khoản nợ này xuất phát từ các dây hụi mà bà T tham gia do bà L làm chủ hụi và việc bà L không giao đầy đủ tiền hụi cho hụi viên là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi được quy định tại Điều 18 Nghị định

19/2019/NĐ-CP, trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 215.300.000 đồng.

[2.3] Ghi nhận bà T không yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ và không yêu cầu tính lãi.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hụi còn lại là 215.300.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Trần Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số 215.300.000 đồng nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.765.000 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.507.000 đồng theo Biên lai thu số 0008327 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 471 Bộ luật Dân sự; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với bà Trần Kim L về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi".

- Buộc bà Trần Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hụi còn lại là 215.300.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.765.000 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.507.000 đồng theo Biên lai thu số 0008327 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (02.D01.149.10.722.450).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung